

MUA [+12%]

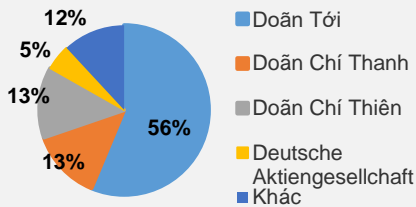
Ngày cập nhật: 01/04/2021

 Giá hợp lý 26,000 VNĐ
 Giá hiện tại 23,200 VNĐ

PHS

 (+82-28) 5 413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	127.5
Free-float (triệu)	25.4
Vốn hóa (tỷ đồng)	2,857
KLGD TB 3 tháng	424,765
Sở hữu nước ngoài	1.17%
Ngày niêm yết đầu tiên	07/12/2007

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: Fiinpro

Chuỗi giá trị khép kín gia tăng khả năng phục hồi sau Covid-19
Cập nhật KQKD 2020:

Dịch Covid-19 tác động nặng nề đến hoạt động kinh doanh của ANV. Doanh thu thuần năm 2020 của ANV giảm 23.2% còn 3,440 tỷ đồng, trong khi LNST giảm mạnh 71.3% YoY còn 202 tỷ đồng. Doanh thu xuất khẩu giảm mạnh là nguyên nhân chính gây sụt giảm doanh thu 2020. Doanh thu xuất khẩu giảm mạnh 34% còn 2,317 tỷ đồng, chiếm 67% tổng doanh thu thuần.

Thị trường nội địa phần nào đã giảm bớt áp lực cho sự sụt giảm nhu cầu xuất khẩu. Doanh thu nội địa tăng 15.6% YoY lên 1,123 tỷ đồng, đóng góp 32.6% trong cơ cấu doanh thu thuần 2020.

Biên lợi nhuận gộp thu hẹp do giá cá tra duy trì ở mức thấp trong năm 2020. Giá cá tra phi lê xuất khẩu trung bình giảm 18% trong năm 2020 từ 2.5 USD/kg còn 2.1 USD/kg. Giá xuất khẩu giảm gây áp lực làm biên lợi nhuận gộp giảm 9.2% còn 14.1% trong năm 2020, nhưng cao hơn mức trung bình ngành là 13%.

Điểm nhấn đầu tư: Dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến ANV trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn, chúng tôi cho rằng ANV có thể nhanh chóng phục hồi sau đại dịch với các động lực tăng trưởng sau:

Vùng nuôi Bình Phú gia tăng tính hiệu quả của chuỗi giá trị khép kín, nâng cao khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu và kiểm soát chi phí: Chuỗi giá trị khép kín từ công tác lai tạo giống, sản xuất thức ăn, nuôi cá tra thương phẩm cho đến khâu chế biến, bao gói và tiêu thụ thành phẩm giúp ANV cải thiện chất lượng cá tra nguyên liệu, tự chủ 100% nguồn nguyên liệu, kiểm soát chi phí và ổn định biên lợi nhuận. Vùng nuôi Bình Phú sử dụng công nghệ hiện đại góp phần nâng cao năng lực sản xuất con giống và nuôi cá tra thương phẩm, tăng cường tính hiệu quả của chuỗi giá trị khép kín.

Hưởng lợi từ hiệp định EVFTA: ANV được kỳ vọng hưởng lợi từ hiệp định EVFTA khi thuế xuất khẩu cá tra sang EU giảm từ 9% còn 0% sau 3 năm. Kỳ vọng EVFTA sẽ là động lực tăng trưởng dài hạn cho xuất khẩu cá tra sang EU.

Động lực tăng trưởng từ thị trường ASEAN và Trung Quốc: Nhờ sự hỗ trợ từ ATIGA thuế xuất-nhập khẩu mặt hàng cá tra phi-lê đông lạnh ở mức 0%, sẽ tạo động lực thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường này. Hơn nữa, đối tác chiến lược Shanghai Feinglei International Trading giúp ANV đưa sản phẩm cá tra cao cấp vào tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc theo hợp đồng đại lý kéo dài 10 năm tính từ năm 2018, góp phần ổn định đầu ra cho ANV.

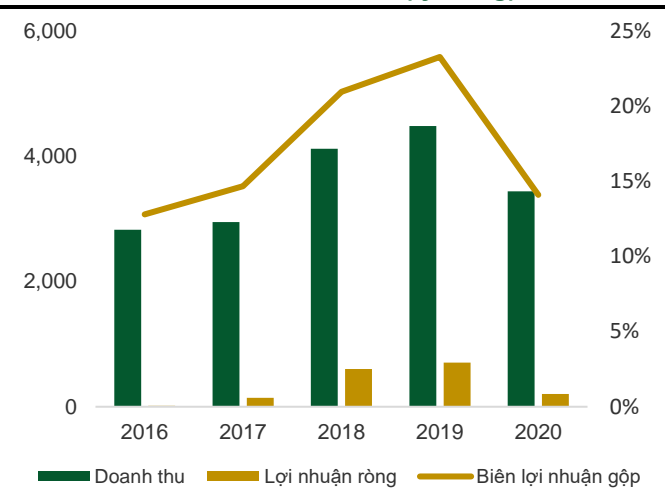
Định giá & khuyến nghị: Chúng tôi ước doanh thu năm 2021 của ANV tăng 12.4% YoY lên 3,867 tỷ đồng, trong khi LNST đạt 281 tỷ đồng (+39% YoY), với biên lợi nhuận gộp cải thiện lên khoảng 17.1% nhờ giá cá tra xuất khẩu phục hồi. Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, mức giá hợp lý cho cổ phiếu ANV khoảng **26,000 đồng/cổ phiếu** (+12% so với giá hiện tại). Do đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Rủi ro về tập trung thị trường xuất khẩu; **(2)** Rủi ro từ dịch Covid-19; **(3)** Rủi ro tỷ giá hối đoái.

Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	2,825	2,949	4,118	4,481	3,440	3,867
LNST (tỷ VND)	13	144	604	704	202	281
EPS (VND)	273	1,142	4,811	5,541	1,583	2,202
Tăng trưởng EPS (%)	1087%	318%	321%	15%	-71%	39%
Giá trị sổ sách (VND)	19,833	11,148	14,779	18,708	18,298	18,506
P/E	20.3	9.7	5.9	4.1	12.4	11.8
P/B	0.3	1.0	1.9	1.2	1.1	1.4
Cổ tức (%)	9%	12%	15%	20%	10%	N/A

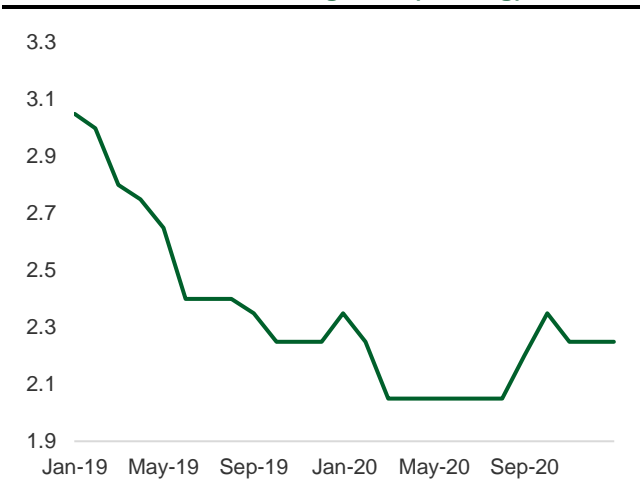
Tình hình kinh doanh của ANV trong năm 2020

Tình hình kinh doanh của ANV (tỷ đồng)



Nguồn: ANV, PHFM tổng hợp

Giá cá tra xuất khẩu trung bình (USD/kg)



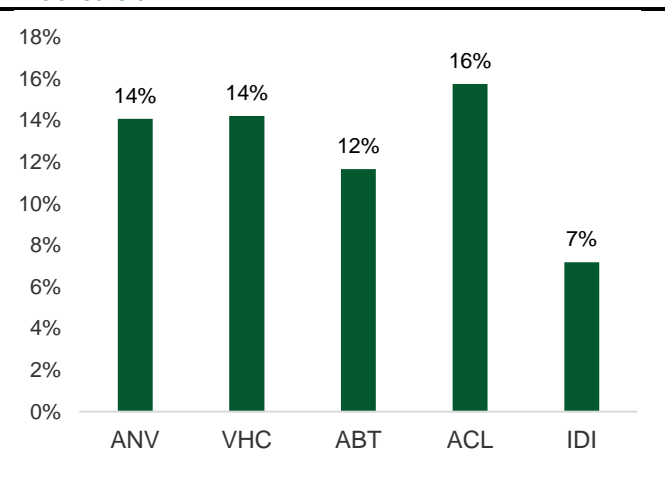
Nguồn: Undercurrent News, PHFM tổng hợp

Năm 2020, dịch Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu khiến cho nhu cầu cá tra sụt giảm mạnh. Do cá tra xuất khẩu được bán chủ yếu thông qua kênh dịch vụ (nhà hàng, khách sạn,...), khi lệnh phong tỏa và cách ly xã hội ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của kênh dịch vụ, đã làm lượng cá tra tiêu thụ toàn cầu giảm sâu. Kết thúc năm 2020, kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt 1.54 tỷ USD (-23% YoY).

ANV cũng chứng kiến sự sụt giảm kết quả kinh doanh lớn nhất trong 5 năm qua. Doanh thu thuần năm 2020 của ANV giảm 23.2% còn 3,440 tỷ đồng, trong khi LNST giảm mạnh 71.3% YoY còn 202 tỷ đồng. Doanh thu xuất khẩu giảm mạnh là nguyên nhân chính gây sụt giảm doanh thu 2020. Doanh thu xuất khẩu giảm mạnh 34% còn 2,317 tỷ đồng, chiếm 67% tổng doanh thu thuần.

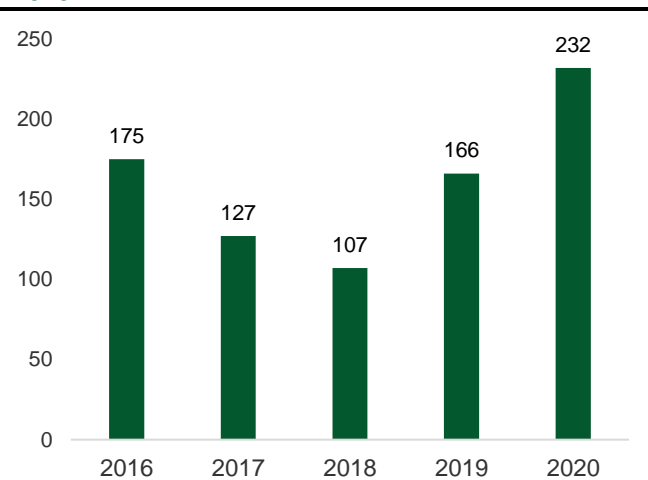
Thị trường nội địa phần nào đã giảm bớt áp lực cho sự sụt giảm nhu cầu xuất khẩu. Doanh thu nội địa tăng 15.6% YoY lên 1,123 tỷ đồng, chiếm 32.6% trong cơ cấu doanh thu thuần 2020.

Biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra



Nguồn: PHFM tổng hợp

Số ngày hàng tồn kho của ANV giai đoạn 2016 - 2020



Nguồn: ANV, PHFM tổng hợp

Biên lợi nhuận gộp thu hẹp do giá cá tra duy trì ở mức thấp trong năm 2020. Giá cá tra phi lê xuất khẩu trung bình giảm 18% trong năm 2020 từ 2.5 USD/kg còn 2.1 USD/kg. Giá xuất khẩu giảm gây áp lực làm biên lợi nhuận gộp giảm 9.2% còn 14.1% trong năm 2020, nhưng cao hơn mức trung bình ngành là 13%. Lợi nhuận gộp giảm mạnh 53.5%, mức giảm sau nhất trong lịch sử, còn 243 tỷ đồng.

Gánh nặng hàng tồn kho gia tăng vào cuối năm 2020. Hàng tồn kho tăng 20% YoY lên 1,904 tỷ đồng kết thúc năm 2020 do thành phẩm tăng 121% lên 651 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 34% hàng tồn kho. Do đó, số ngày hàng tồn kho tăng 40% YoY lên 232 ngày, cao nhất trong vòng 5 năm qua. Kéo theo đó, khả năng thanh toán công ty cũng suy giảm. Hệ số khả năng thanh toán nợ hiện tại giảm từ 1.56x vào cuối năm 2019 còn 1.19x vào cuối năm 2020, trong khi tỷ số thanh khoản nhanh giảm từ 0.64x còn 0.38x.

Dự phóng kết quả kinh doanh 2021

Năm 2021, khi dịch Covid-19 được kiểm soát tại các thị trường xuất khẩu, kênh dịch vụ thực phẩm hoạt động trở lại, mở ra cơ hội phục hồi cho nhu cầu tiêu thụ cá tra trên toàn cầu. Lũy kế xuất khẩu cá tra 2 tháng đầu năm đạt 214 triệu USD, tăng nhẹ 1.7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trừ Trung Quốc và EU, các thị trường khác, như Mỹ và các nước CPTPP, đều đang chứng kiến sự phục hồi tích cực. Trong tháng 1/2021, xuất khẩu sang Mỹ tăng 51% YoY, sang các nước CPTPP tăng 38% YoY.

VASEP đặt mục tiêu ngành cá tra năm 2021 tăng 5% YoY, đạt kim ngạch xuất khẩu khoảng 1.6 tỷ USD, và đạt 2.5-3 tỷ USD đến năm 2025. Dù mang kỳ vọng phục hồi, con cá tra Việt Nam chưa hết khó khăn trong năm 2021.

Cạnh tranh từ các loài cá thịt trắng kỳ vọng sẽ kiềm hãm đà tăng giá cá tra xuất khẩu. Nhu cầu các loài cá thịt trắng như cá minh thái, cá rô phi, cá hồi, cá tuyết cũng được dự báo sẽ phục hồi mạnh trong năm 2021. Do đó, giá xuất khẩu cá tra của Việt Nam sẽ khó tăng mạnh trong năm 2021 lên mức đầu năm 2019.

Xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc phục hồi chậm do các biện pháp kiểm soát dịch ảnh hưởng đến ngành thực phẩm. Do đó, người nông dân Việt Nam cũng giảm lượng thả nuôi cá do chi phí nuôi cá cao trong khi doanh nghiệp giảm lượng thu mua. Hơn nữa, do thời gian nuôi cá thường kéo dài 10 tháng, nên ngành cá tra có thể đối mặt với tình trạng thiếu nguyên liệu khi giá xuất khẩu sang Trung Quốc tăng trở lại. Đối với doanh nghiệp có tỷ lệ tự chủ gần 100% như ANV, thì vấn đề thiếu hụt nguồn cá nguyên liệu sẽ không tác động lớn đến công ty.

Chúng tôi ước tính doanh thu năm 2021 của ANV tăng 12.4% YoY lên 3,867 tỷ đồng, trong khi LNST đạt 281 tỷ đồng (+39% YoY) với doanh thu xuất khẩu chủ yếu đến từ các thị trường sau:

Trung Quốc: Sản phẩm cá tra nhập khẩu sang Trung Quốc phải tuân thủ các biện pháp kiểm soát dịch qua đường biên và các cảng, cửa khẩu. Vào các tháng đầu năm, gián đoạn giao thương đã ảnh hưởng đến giá trị xuất khẩu cá tra. Chúng tôi cho rằng khi dịch Covid-19 được kiểm soát và hoạt động kênh dịch vụ thực phẩm trở lại bình thường, Trung Quốc sẽ gia tăng nhập khẩu cá tra trở lại trong các tháng tới. Do đó, chúng tôi ước tính doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc của ANV đạt khoảng 862 tỷ đồng (+15% YoY), chiếm 22% doanh thu năm 2021.

ASEAN: Nhờ sự hỗ trợ từ ATIGA thuế xuất-nhập khẩu mặt hàng cá tra phi-lê đông lạnh ở mức 0%. Với kỳ vọng phục hồi sau Covid-19, chúng tôi ước tính xuất khẩu cá tra sang ASEAN của ANV sẽ đạt khoảng 590 tỷ đồng (+20% YoY), chiếm 15% trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu.

EU: Tại EU, cá tra được bán chủ yếu vào các siêu thị tại Bắc Âu như Albert Heijn, Jumbo, Tesco, hay REWE. Khi vắc-xin được tiêm chủng rộng rãi trong năm 2021, nhu cầu tiêu thụ cá tra tại EU sẽ phục hồi trở lại. Nhờ Hiệp định EVFTA, chúng tôi ước tính doanh thu xuất khẩu sau EU của ANV trong năm 2021 đạt khoảng 410 tỷ đồng (+20% YoY), chiếm tỷ trọng 9% trong cơ cấu doanh thu.

Hơn nữa, dựa trên khả năng phục hồi giá cá tra bị kiềm hãm bởi sự phục hồi của các loài cá thịt trắng khác, chúng tôi ước tính giá xuất khẩu cá tra trung bình trong năm 2021 sẽ hồi phục lên mức 2.3 USD/kg (+10% so với mức giá trung bình năm 2020), nhưng thấp hơn mức giá trung bình 2.5 USD/kg của năm 2019, sẽ đóng góp khoảng 3% vào biên lợi nhuận gộp của ANV. Do đó, chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp của ANV đạt mức 17.1% trong năm 2021.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu ANV khoảng **26,000 đồng/cổ phiếu** (+12% so với giá hiện tại). Do đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu này.

Phương pháp DCF

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	377	478	563	640	708
Lợi nhuận hoạt động ròng sau thuế	318	403	474	540	597
Khấu hao	88	111	124	137	151
WC	(40)	(56)	(64)	(71)	(79)
CAPEX	(186)	(210)	(229)	(246)	(257)
FCFF	180	248	305	360	412
Giá trị hiện tại của FCFF (WACC 9.1%)	165	208	234	254	266
Giá trị hiện tại của cuối cùng (2.0% g)	3,795				
Nợ ròng	(1,811)				
Giá trị vốn cổ phần	3,110				
SLCP	127,539,625				
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	24,387				

Phương pháp EV/EBITDA

2021 EBITDA	466
EV/EBITDA ngành	12.8x
EV	5,987
Nợ ròng	(1,811)
Giá trị vốn cổ phần	4,176
SLCP	127,539,625
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	32,740

	DCF	EV/EBITDA	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	24,387	32,740	26,000 VNĐ/CP
Tỷ trọng	80%	20%	

Rủi ro:

(1) Rủi ro tập trung doanh thu

Tỷ lệ xuất khẩu của ANV sang Trung Quốc và ASEAN ước tính chiếm lần lượt là 22% và 14% trong năm 2020, do đó ANV chịu ảnh hưởng từ nhu cầu xuất khẩu của các thị trường này, khi nhu cầu tại các thị trường này giảm sẽ tác động tiêu cực đến ANV. Đồng thời việc phụ thuộc vào một số ít đối tác chiến lược để phân phối hàng sẽ đặt ANV ở vị thế yếu hơn trong việc thương lượng điều kiện của hợp đồng thương mại.

(2) Rủi ro từ dịch Covid-19

Hiện tại, tình hình dịch Covid-19 được kỳ vọng khả quan hơn tại thị trường xuất khẩu chủ lực là Trung Quốc nhưng do nền kinh tế bị tổn thương hậu Covid-19 nên nhu cầu xuất khẩu sang Trung Quốc có nhiều rủi ro chưa phục hồi được như dự kiến..

(3) Rủi ro biến động tỷ giá

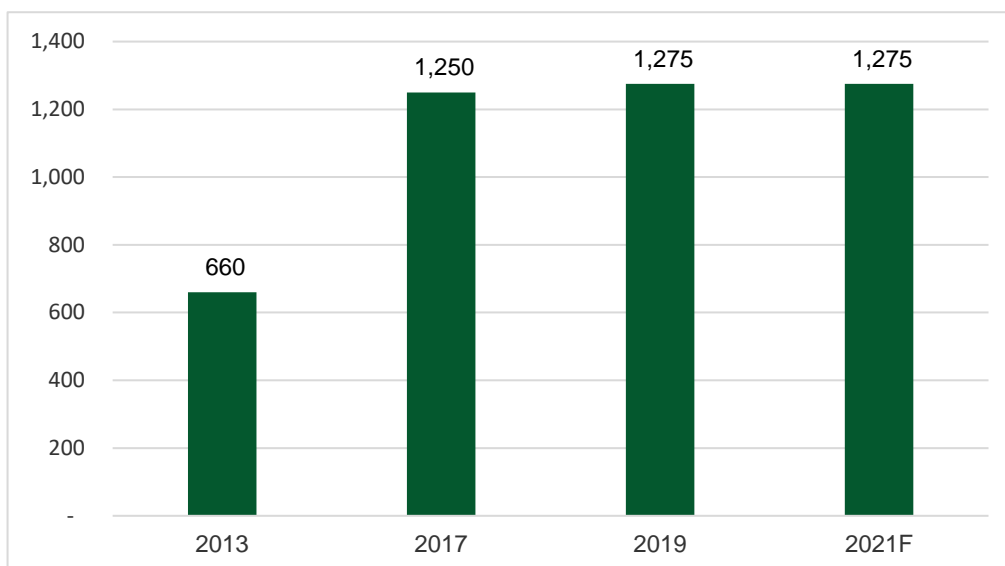
Với hơn 50% doanh thu là xuất khẩu, ANV đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá hối đoái, chủ yếu là RMB, EUR tại hai thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc và EU. Bất ổn tại các thị trường xuất khẩu và sự ảnh hưởng của các yếu tố địa chính trị đến tỷ giá là rủi ro đáng quan tâm.

Sơ lược công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nam Việt vào tháng 10/2006, với lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến xuất khẩu cá tra, cá basa đông lạnh. Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 với vốn điều lệ ban đầu là 27 tỷ đồng và chức năng kinh doanh chính là xây dựng dân dụng và công nghiệp. Năm 2000, Công ty quyết định đầu tư mở rộng phạm vi kinh doanh sang lĩnh vực chế biến thủy sản, khởi đầu là việc xây dựng Xí nghiệp đông lạnh thủy sản Mỹ Quý với tổng vốn đầu tư là 30.8 tỷ đồng, chuyên chế biến xuất khẩu cá tra, cá basa đông lạnh. Trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến năm 2004, Nam Việt đã đầu tư thêm hai nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh là Nhà máy Nam Việt (được đổi tên từ Xí nghiệp đông lạnh thủy sản Mỹ Quý) và Nhà máy Thái Bình Dương với tổng công suất chế biến trung bình của Công ty là 500 tấn cá/ngày. Ngày 18/4/2007, Nam Việt đã phát hành ra công chúng 6 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng.



Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: ANV, PHFM tổng hợp

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Doanh thu thuần	2,825	2,949	4,118	4,481	3,440	3,867
Giá vốn hàng bán	(2,463)	(2,517)	(3,256)	(3,438)	(2,955)	(3,207)
Lợi nhuận gộp	361	432	862	1,043	485	661
Chi phí bán hàng	(136)	(146)	(161)	(191)	(185)	(220)
Chi phí QLDN	(134)	(39)	(9)	(47)	(57)	(64)
Lợi nhuận từ HĐKD	91	247	693	805	243	377
Lợi nhuận tài chính	65	(44)	(1)	(8)	(37)	(45)
Chi phí lãi vay	(76)	(57)	(46)	(49)	(63)	(66)
Lợi nhuận trước thuế	29	167	690	831	240	333
Lợi nhuận sau thuế	13	144	604	704	202	281
LNST của cổ đông Công ty mẹ	19	142	600	704	202	281
Cân đối kế toán	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Tài Sản Ngắn Hạn	1,908	1,317	2,090	2,690	2,784	2,737
Tiền và tương đương tiền	22	26	69	25	44	65
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1	-	452	585	321	428
Phải thu ngắn hạn	643	383	569	443	432	462
Hàng tồn kho	1,195	874	962	1,583	1,900	1,685
Tài sản ngắn hạn khác	47	34	38	54	87	98
Tài Sản Dài Hạn	1,110	1,307	1,293	1,411	1,869	2,031
Phải thu dài hạn	264	253	5	2	11	11
Tài sản cố định	489	441	507	520	838	936
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	126	66	393	671	784	862
Đầu tư tài chính dài hạn	155	478	326	144	147	133
Tài sản dài hạn khác	75	70	63	75	90	90
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng tài sản	3,018	2,624	3,383	4,102	4,653	4,768
Nợ phải trả	1,709	1,308	1,577	1,749	2,500	2,589
Nợ ngắn hạn	1,487	1,232	1,568	1,728	2,339	2,428
Nợ dài hạn	222	76	10	20	161	161
Vốn chủ sở hữu	1,309	1,394	1,848	2,386	2,334	2,360
Vốn góp	660	1,250	1,250	1,275	1,275	1,275
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	3,018	2,702	3,425	4,135	4,834	4,950

Lưu chuyển tiền tệ	2016A	2017A	2018A	2019E	2020E	2021E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	264	746	721	328	(13)	298
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	101	(375)	(685)	(252)	(193)	(186)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(357)	(366)	7	(120)	225	(91)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	9	4	43	(44)	19	21
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	13	22	26	69	25	44
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	22	26	69	25	44	65
Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019E	2020E	2021E
Tăng trưởng (%)						
Doanh thu	13.2%	4.4%	39.6%	8.8%	-23.2%	12.4%
Lợi nhuận sau thuế	744.4%	972.0%	319.6%	16.5%	-71.3%	39.1%
Tổng tài sản	-7.8%	-10.5%	26.7%	20.7%	16.9%	2.4%
Tổng vốn chủ sở hữu	1.0%	6.5%	32.6%	29.1%	-2.2%	1.1%
Khả năng sinh lời (%)						
Tỷ suất lãi gộp	12.8%	14.7%	20.9%	23.3%	14.1%	17.1%
Tỷ suất EBIT	3.2%	8.4%	16.8%	18.0%	7.1%	9.8%
Tỷ suất lãi ròng	0.5%	4.9%	14.7%	15.7%	5.9%	7.3%
ROA	0.4%	5.5%	17.9%	17.2%	4.3%	5.9%
ROE	1.0%	10.3%	32.7%	29.5%	8.7%	11.9%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	95	58	53	37	47	44
Số ngày tồn kho	175	127	107	166	232	190
Số ngày phải trả	34	16	13	18	48	15
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.28	1.07	1.33	1.56	1.19	1.13
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.48	0.36	0.72	0.64	0.38	0.43
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.57	0.50	0.47	0.43	0.54	0.54
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.31	0.94	0.85	0.73	1.07	1.10
Vay ngắn hạn/VCSH	1.14	0.88	0.85	0.72	1.00	1.03
Vay dài hạn/VCSH	0.17	0.05	0.01	0.01	0.07	0.07

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801